PHỤ LỤC CÔNG NHẬN CẬP NHẬT TIÊU CHUẨN LẦN 1
ACCREDITATION SCHEDULE, FIRST UPDATE

(Kèm theo quyết định số: 2917 */QĐ-VPCNCLQG ngày 06 tháng 10 năm 2026*
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/*Organisation*

Tiếng Việt*/ in Vietnamese:* *CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH IQC*

Tiếng Anh*/ in English:* *IQC CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY*

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ *Accreditation Number:* **VICAS 028 - PRO**

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/*Location Covered by Accreditation*

Trụ sở chính/*Head office:*

Lô 7 BT4, Khu đô thị mới Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Lot 7 BT4, Cau Buou New Urban Area, Thanh Liet Ward, Hanoi City, Vietnam

Tel: +84 24 3999 4712 Email: : info@iqc.com.vn Website: http://www.iqc.com.vn

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/*Accreditation Standards*

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/*Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/*Accreditation period*

Từ/ *from* *06* / *10* /2026 đến/ *to* 27/07/2030

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN CẬP NHẬT TIÊU CHUẨN LẦN 1
ACCREDITATION SCHEDULE, FIRST UPDATE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/*Product certification for the following scopes:*

STT *No*	Nhóm sản phẩm *Product group*	Tên sản phẩm *Name of product*	Chuẩn mực chứng nhận *Certification criteria*	Thủ tục chứng nhận *Certification procedure*	Phương thức chứng nhận *Type of certification scheme*
1	Sản phẩm dầu mỏ và than cốc; Hóa chất, sản phẩm hóa và sợi; Sản phẩm cao su và nhựa/ *Coke and refined petroleum products; Chemicals, chemical products and fibres; Rubber and plastic products*	Phân bón/ *Fertilizer*	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT QCVN 106:2025/BNNMT (*)	IQC-QT-10	5,7
2		Amoniắc công nghiệp/ *Industrial Ammonia*	QCVN 07A:2020/BCT & SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 07A:2020/BCT (*)	IQC-QT-38	1,5
3		Poly Aluminium Chloride (PAC)/ *Poly Aluminium Chloride (PAC)*	QCVN 06A:2020/BCT & SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 06A:2020/BCT (*)	IQC-QT-38	1,5
4		Natri Hydroxidit công nghiệp/ *Industrial sodium hydroxide*	QCVN 03A:2020/BCT & SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 03A:2020/BCT (*)	IQC-QT-38	1,5
5		Đèn huỳnh quang - Hàm lượng thủy ngân trong đèn huỳnh quang/ *Fluorescent lamp - Mercury content in fluorescent lamp*	QCVN 02A:2020/BCT & Sửa đổi 01:2026 QCVN 02A:2020/BCT (*)	IQC-QT-38	1,5

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN CẬP NHẬT TIÊU CHUẨN LẦN 1
ACCREDITATION SCHEDULE, FIRST UPDATE

STT *No*	Nhóm sản phẩm *Product group*	Tên sản phẩm *Name of product*	Chuẩn mực chứng nhận *Certification criteria*	Thủ tục chứng nhận *Certification procedure*	Phương thức chứng nhận *Type of certification scheme*
6		Sơn - Hàm lượng chì trong sơn/ *Paints - Lead content in paints*	QCVN 08:2020/BCT & Sửa đổi 01:2026 QCVN 08:2020/BCT (*)	IQC-QT-38	1,5
7	Sản phẩm dệt, may, da và các phụ kiện/ *Textile and garment products; Leather and leather products and accessories*	Sản phẩm dệt may - Hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may/ *Textile products - Contents of formaldehyde and certain aromatic amines derived from azo colourants in textile products*	QCVN 01:2017/BCT & Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2017/BCT (*)	IQC-QT-11	5,7

Ghi chú/ *Note:*

(*) Cập nhật chuẩn mực chứng nhận (09/2026)/ *Update Certification criteria (Sep 2026)*

Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định IQC phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *IQC Certification and Inspection Joint Stock Company must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*